

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ LỘC
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 65/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 4 - 2019.
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Phú.
2. Ông Lê Văn Điền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Xuân Cầm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 33/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2019, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/3/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1968. Nơi cư trú: Thôn N, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.
2. Bị đơn: Anh Trần Đ, sinh năm 1964. Nơi cư trú: Thôn N, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện ghi ngày 18/02/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:** Chị H và anh Trần Đ quen biết, tìm hiểu yêu thương nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 14/9/1989. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn.

Nguyên nhân do anh Đ hay uống rượu bia về nhà gây gỗ, chửi bới, xúc phạm chị H, dùng hung khí đánh đập chị H nhiều lần. Do con cái còn nhỏ nên chị H chịu đựng. Sau đó, chị H và gia đình hai bên cũng đã khuyên can vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con, tuy nhiên, anh Đ vẫn không thay đổi mà vẫn có sự chửi bới, xúc phạm chị H và cha mẹ chị H, nên chị H đã bỏ về nhà cha mẹ để sống từ ngày 16/02/2019. Nay chị H xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Trần Đ nên cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Chị Trần Thị H trình bày vợ chồng có 03 người con chung là Trần Phong V, sinh ngày 01/6/1990, Trần Thị Cẩm N, sinh ngày 20/5/1994, Trần Uyên N, sinh ngày 17/7/2004. Đối với các con chung Trần Phong V, Trần Thị Cẩm N đều đã trưởng thành, có việc làm ổn định nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị H yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Trần Uyên N cho đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh Trần Đ cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa, chị H thay đổi ý kiến về việc nuôi con, cụ thể chị H đồng ý cho anh Trần Đ được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N cho đến khi đủ 18 tuổi, do nguyện vọng của cháu N và hiện nay cháu N đang sống với anh Đ. Về cấp dưỡng nuôi con do anh Trần Đ không yêu cầu nên chị H cũng đồng ý.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, chị Trần Thị H đã nộp các tài liệu, chứng cứ gồm: Giấy chứng nhận kết hôn; bản sao giấy chứng minh nhân dân Trần Thị H; bản sao sổ hộ khẩu gia đình chủ hộ Trần Đ; bản sao giấy khai sinh Trần Uyên N.

**** Đối với bị đơn anh Trần Đàn trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân và quá trình kết hôn anh Đ thừa nhận như chị Trần Thị H trình bày là đúng, anh chị tự nguyện kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 14/9/1989. Về mâu thuẫn vợ chồng anh Đ cũng thừa nhận như chị H trình bày là đúng. Cụ thể: Anh Đ có ghen tuông vô cớ do nghi ngờ chị H có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, có lần anh Đ gây gỗ với chị H, xúc phạm chị H. Nay anh Đ thừa nhận mình cũng có lỗi nhưng tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh vẫn thương yêu chị H nên mong muốn Tòa án giải quyết cho vợ chồng đoàn tụ để xây dựng hạnh phúc, nuôi dạy con cái trưởng thành.

Về con chung: Anh Trần Đ cũng thừa nhận vợ chồng có 03 người con chung như chị H đã trình bày. Đối với các con chung Trần Phong V, Trần Thị Cẩm N đều đã trưởng thành, có việc làm ổn định nên anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Đ yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Trần Uyên N cho đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Trần Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Xác minh của Tòa án tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế ngày 22/3/2019, thể hiện:*** Ngày 28/02/2019, Công an xã L có nhận tin báo của bà Trần Thị H về việc bà H và ông Trần Đ xảy ra mâu thuẫn và bà H có yêu cầu chính

quyền địa phương giải quyết. Chính quyền địa phương đã làm việc và nhắc nhở đối với ông Đ.

*** *Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:***

Về tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng, kể từ thời điểm Tòa án thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Đối với Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự; thu thập chứng cứ bảo đảm đúng quy định; thông báo thụ lý vụ án cho Viện kiểm sát cùng cấp và tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự đảm bảo; về thời hạn chuẩn bị xét xử bảo đảm đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thủ tục, trình tự phiên tòa xét xử sơ thẩm. Nguyên đơn chị Trần Thị H chấp hành đúng pháp luật và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Trần Đ cơ bản chấp hành đúng pháp luật, tuy nhiên, anh Đ vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm ngày 11/4/2019 và tại phiên tòa hôm nay làm ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết vụ án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; giải quyết:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị H được ly hôn anh Trần Đ.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Trần Uyên N, sinh ngày 17/7/2004 cho anh Trần Đ chăm sóc nuôi dưỡng; chị Trần Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị H được quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Do nguyên đơn chị Trần Thị H và bị đơn anh Trần Đ không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kiểm tra, đánh giá tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng dân sự: Tòa án đã thực hiện tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa cho các đương sự. Sau khi nhận được

các văn bản tố tụng nói trên của Tòa án, bị đơn anh Trần Đ có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm ngày 11/4/2019; tuy nhiên, đơn của anh Đ không được chính quyền địa phương xác nhận nên Hội đồng xét xử đã ra quyết định hoãn phiên tòa đồng thời tổng đạt hợp lệ quyết định này cho anh Đ. Tại phiên tòa hôm nay anh Đ vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Trần Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã đăng ký kết hôn vào ngày 14/9/1989 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Đ là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét về quá trình hôn nhân giữa chị H và anh Đ, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình sống chung, giữa chị H và anh Đ đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do anh Đ có hành vi bạo lực gia đình đánh đập, xúc phạm chị H nhiều lần, dẫn đến chị H và anh Đ đã sống ly thân từ đầu năm 2019. Nay chị H cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn là có căn cứ. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh Đ là không thể khắc phục được, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị H, không chấp nhận yêu cầu đoàn tụ của anh Trần Đ.

[3] Về con chung: Đối với các con chung Trần Phong V, Trần Thị Cẩm N đều đã trên 18 tuổi, có việc làm ổn định nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Đối với người con chung Trần Uyên N, sinh ngày 17/7/2004. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án thì cả chị H và anh Đ đều có nguyện vọng được nuôi con. Tuy nhiên, hiện nay cháu N đang sống với anh Đ và có nguyện vọng được sống với anh Đ; tại phiên tòa chị H cũng thay đổi yêu cầu về việc nuôi con; nên để đảm bảo cho cháu N được phát triển đầy đủ về thể chất và tinh thần thì cần giao cho anh Đ chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng và nguyện vọng của cháu. Anh Trần Đ không yêu cầu chị Trần Thị H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn chị Trần Thị H và bị đơn anh Trần Đ không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị H; chị Trần Thị H được ly hôn anh Trần Đ.

2. Về việc nuôi con: Giao người con chung là Trần Uyên N, sinh ngày 17/7/2004 cho anh Trần Đ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị Trần Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Trần Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn chị Trần Thị H và bị đơn anh Trần Đ không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27; tiểu mục 1.1 khoản 1 mục I phần A danh mục án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 006449, ngày 19/02/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Trần Thị H có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Trần Đ có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT-Huế;
- VKSND tỉnh TT-Huế;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Đương sự;
- UBND xã L,
- huyện P, tỉnh TT-Huế;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Ngọc Tú